

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG VI NĂM 1996

Nhìn chung trên phạm vi cả nước, thời tiết trong tháng không có những biến động lớn, chỉ một số nơi thuộc vùng núi Việt Bắc và trung du Bắc Bộ có lượng mưa tương đối lớn.

Trên các sông ở Bắc Bộ đã có lũ vừa vào những ngày giữa và cuối tháng.

1- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Có hai đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Miền Bắc vào ngày 21 và 24. Nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 6 đến 9°C. Đợt không khí lạnh ngày 24 đã gây mưa vừa, mưa to nhiều nơi thuộc Bắc Bộ.

b) Nắng nóng

Hầu hết các nơi thuộc Trung Bộ và một vài nơi thuộc Bắc Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất đạt từ 36 đến 38°C.

c) Mưa đá

Một vài nơi thuộc Tây Nguyên có mưa đá xuất hiện vào cuối tháng, chẳng hạn, tại Đà Lạt (Lâm Đồng), đã xảy ra mưa đá vào ngày 27.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nhiệt độ thấp nhất : 13,6°C xảy ra tại Đà Lạt (Lâm Đồng) ngày 29.

Nhiệt độ cao nhất : 37,9°C xảy ra tại Đà Nẵng (Quảng Nam - Đà Nẵng) ngày 24 và Đông Hà (Quảng Trị) ngày 28.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc ven biển Trung Bộ, phía tây Bắc Bộ và đồng bằng Bắc Bộ có lượng mưa dưới TBNN; đặc biệt, khu vực ven biển từ Thanh Hóa đến Đà Nẵng thiếu hụt từ 55 đến 95%.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Thái Nguyên (Bắc Thái): 635mm (+281mm) và cũng là nơi có lượng mưa ngày lớn nhất : 180mm/ngày 27.

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Đà Nẵng (Quảng Nam - Đà Nẵng) : 4mm (-83mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng cao hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Qui Nhơn (Bình Định) : 278 giờ (+ 46giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Mù Căng Chải (Yên Bái) : 88 giờ (-24giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ tuy lượng mưa thấp hơn TBNN nhưng mưa rải đều theo thời gian nên thời tiết vẫn thuận đối với sản xuất nông nghiệp, đặc biệt cho việc thu hoạch lúa đông xuân ở khu vực này.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày giữa và cuối tháng trên các sông ở Bắc Bộ có lũ vừa.

- Trên sông Thao tại trạm thủy văn Yên Bái, mực nước cao nhất : 29,49m (7h ngày 26).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất : 23,68m (9h ngày 19).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, lưu lượng lớn nhất: 4800m³/s (ngày 30), lưu lượng nhỏ nhất: 1300m³/s (ngày 12), lưu lượng trung bình tháng: 2350m³/s, lớn hơn TBNN 3%. Mực nước hồ ngày đầu tháng : 107,77m (7h ngày 1); ngày cuối tháng : 97,99m (7h ngày 30).

Hồ Hòa Bình xả 3 đợt từ 1 đến 4 cửa, lưu lượng xả lớn nhất đo được tại trạm Bến Ngọc : 4990m³/s (21h ngày 30).

- Trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội, mực nước cao nhất : 7,63m (19h ngày 27), mực nước thấp nhất : 4,58m (1h ngày 14), mực nước trung bình : 6,13m, cao hơn TBNN 4cm.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phú Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều. Mực nước thấp nhất : 0,96m (13h ngày 13), mực nước cao nhất: 3,81m (3h ngày 29).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông còn ở mức thấp, các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Trên sông Mã tại Giàng, mực nước cao nhất 1,33m (15h ngày 16), mực nước thấp nhất : -0,72m (15h ngày 6).

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu đã nhích lên một ít.

Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng : 1,18m (20h ngày 1), ngày cuối tháng : 1,42m (20h ngày 30).

Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng: 0,90m (16h ngày 1), ngày cuối tháng : 1,28m (19h ngày 30).

III- TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là đông nam và nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-5m/s (cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất 18-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-III). Ngoài khơi sóng cao nhất 2,50-3,50m (cấp V-VI).

- Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là tây nam và nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3- 4) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8-9). Hướng sóng chủ yếu là nam và tây nam. Ven

bờ độ cao sóng trung bình 0,50-1,00m (cấp II- III) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3,0-4,0m (cấp V-VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28-30°C, cao nhất 31-33°C, thấp nhất 24-26°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29-31°C, cao nhất 32-34°C, thấp nhất 26-28°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 27-29‰, cao nhất 30-32‰, thấp nhất 24-26‰.

- *Vùng biển phía nam*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 28-30‰, cao nhất 31-33‰, thấp nhất 25-27‰.

**Trung tâm quốc gia dự báo KTTV
và Trung tâm KTTV biển biên soạn**

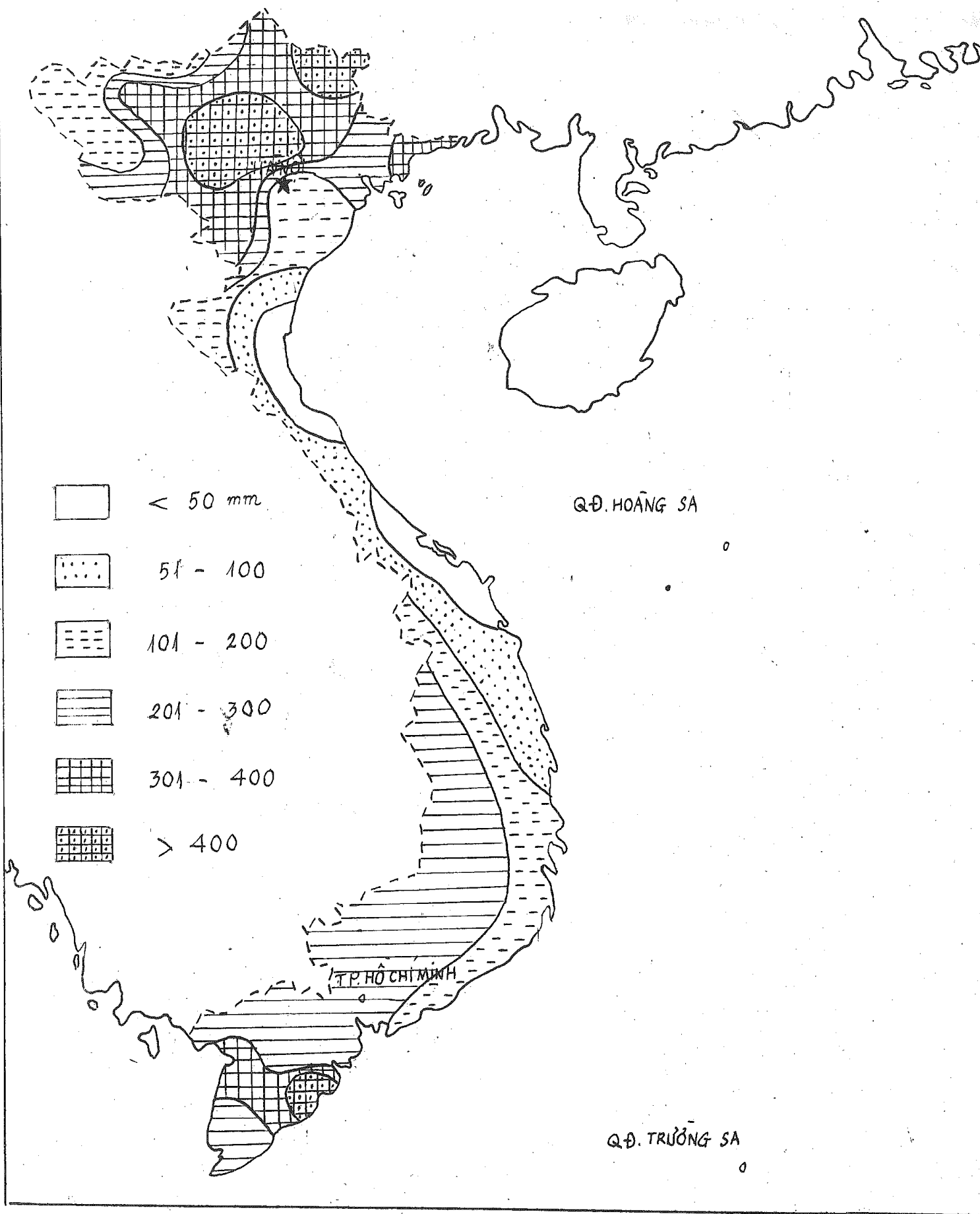
Đặc trưng một số yếu tố khí tượng

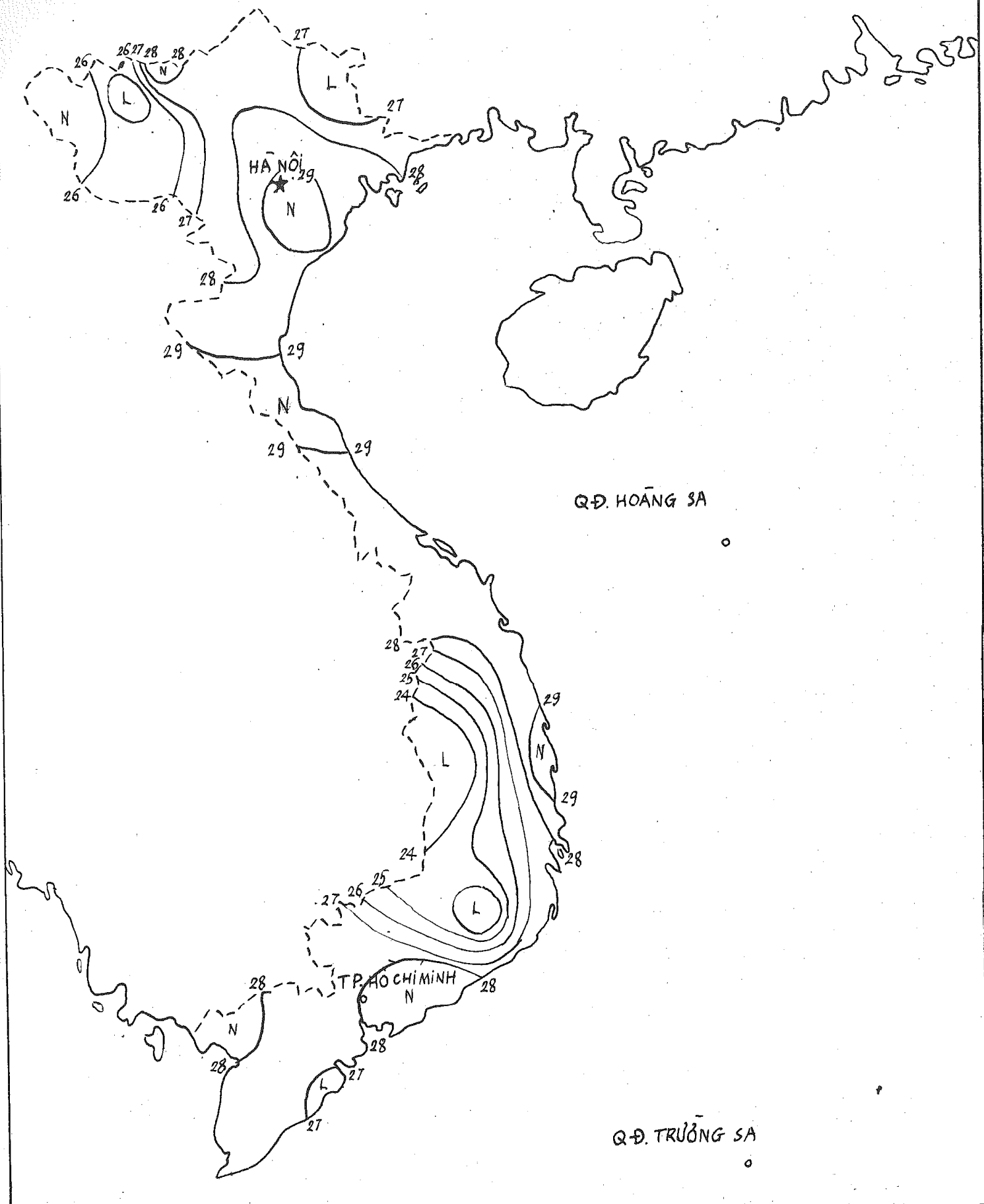
Số Thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ(°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,8	+0,3	31,2	36,8	10	24,3	21,7	13	80	49	10
2	Điện Biên	26,1	+0,2	30,6	33,8	10	23,6	21,8	7	84	53	10
3	Sơn La	25,2	+0,1	29,9	32,4	5	22,4	21,0	11	84	48	10
4	Sa Pa	19,0	-0,6	22,7	25,2	24	17,6	16,2	13	90	71	4
5	Lao Cai	28,1	+0,5	32,3	36,0	5	25,3	23,5	25	84	56	10
6	Yên Bái	27,8	0,0	32,1	35,0	23	24,8	22,1	7	81	59	10
7	Hà Giang	27,4	-0,2	32,1	34,7	10	24,4	22,5	14	82	49	10
8	Tuyên Quang	28,3	+0,3	32,7	35,1	23	25,0	22,7	25	82	53	9
9	Lạng Sơn	27,0	+0,1	31,5	34,5	12	24,0	22,0	25	83	42	13
10	Cao Bằng	26,9	-0,1	31,8	35,5	12	23,7	21,4	14	83	48	10
11	Thái Nguyên	28,5	+0,2	32,4	34,9	12	25,6	23,0	25	83	44	12
12	Bắc Giang	28,8	+0,1	32,5	34,5	12	25,9	23,5	25	84	48	12
13	Phú Thọ	28,2	-0,1	32,2	35,5	23	25,2	21,6	6	86	56	9
14	Hòa Bình	28,6	+0,4	33,5	36,2	23	25,5	23,7	2	85	57	23
15	Hà Nội (Láng)	29,2	+0,4	33,3	36,6	23	26,4	23,9	25	79	53	10
16	Tiên Yên	27,8	+0,3	31,6	34,6	11	25,2	23,0	10	87	50	11
17	Hòn Gai	28,6	+0,6	31,2	33,5	12	26,2	22,8	21	84	52	12
18	Phù Liên	28,3	+0,3	31,6	33,6	12	26,1	23,1	15	86	61	12
19	Thái Bình	28,3	-0,3	29,5	33,0	23	26,3	24,0	25	88	60	28
20	Nam Định	29,1	+0,1	32,9	34,3	28	26,7	24,0	15	83	56	12
21	Thanh Hóa	28,9	0,0	32,7	35,7	27	26,3	25,0	17	82	50	27
22	Vinh	29,5	+0,3	33,6	36,7	27	26,4	24,2	14	76	48	28
23	Đồng Hới	28,9	-0,8	32,7	36,6	28	26,3	23,9	12	78	44	28
24	Huế	28,9	-0,4	35,2	37,7	29	24,6	23,0	11	76	44	24
25	Đà Nẵng	28,8	-0,4	34,1	37,9	24	25,5	23,5	11	79	47	24
26	Quảng Ngãi	28,5	-0,5	33,1	36,0	21	24,9	23,2	11	79	53	21
27	Quy Nhơn	29,3	-0,3	33,9	37,2	22	26,2	23,9	12	79	44	22
28	Plây Cu	23,3	+0,3	28,3	30,6	5	20,2	19,1	11	88	59	8
29	Buôn Ma Thuột	24,9	+0,1	30,3	32,3	7	21,8	20,4	26	86	61	7
30	Đà Lạt	19,0	-0,4	24,2	25,7	4	15,6	13,6	29	89	63	26
31	Nha Trang	27,6	-0,8	31,5	32,9	5	24,8	23,1	10	84	61	1
32	Phan Thiết	28,1	+0,4	32,3	33,7	6	25,6	24,0	17	81	54	19
33	Vũng Tàu	28,4	+0,4	31,1	32,3	15	25,9	23,4	22	80	62	10
34	Tây Ninh	27,5	+0,3	32,4	34,0	1	24,3	23,0	11	85	59	4
35	T.P Hồ Chí Minh	28,2	+0,7	33,2	35,2	3	25,4	23,9	21	81	53	3
36	Tiền Giang	27,4	0,0	32,1	33,9	30	25,0	23,6	16	87	55	29
37	Cần Thơ	27,2	+0,1	31,7	34,0	5	25,0	22,5	17	90	62	29
38	Sóc Trăng	27,0	+0,3	31,2	33,7	30	24,4	22,2	22	89	56	5
39	Rạch Giá	28,0	-0,2	30,8	33,7	6	25,5	23,9	16	85	55	3
40	Cà Mau	27,7	+0,4	32,3	34,4	29	25,2	23,3	10	86	55	6

CHÚ THÍCH: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

ủa các trạm tháng VI năm 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Điểm số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Động	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	mạnh			
209	-2 14	26	15	19	2	27	59	4	10	116	-6	1	0	15	0	1
244	-31	60	19	8	3	23	76	4	10	113	-32	0	0	12	0	2
208	-46	40	25	9	5	20	63	5	11	157	+8	0	0	17	0	3
358	-35	70	25	20	1	28	49	5	5	172	+80	0	0	14	0	4
141	-95	41	25	14	5	22	76	4	10	x	x	0	0	8	0	5
503	+196	130	14	9	5	17	68	4	10	136	-17	0	0	17	0	6
340	-97	58	18	8	3	23	68	4	12	136	+2	0	0	21	0	7
458	+204	110	25	8	5	20	98	x	9	183	+17	0	0	18	0	8
294	+94	110	14	4	6	17	79	5	13	169	+7	0	0	14	0	9
470	+220	100	24	9	4	21	81	5	5	150	-12	2	0	17	0	10
335	+281	180	27	8	10	17	88	5	10	157	-11	0	0	15	0	11
145	-82	50	28	6	4	16	x	4	13	182	+1	0	0	11	0	12
387	+139	110	25	9	5	18	83	6	9	160	-4	0	0	12	0	13
383	+125	70	21	7	5	17	85	5	23	168	+4	0	0	19	0	14
189	-51	40	16	5	8	12	89	5	10	177	+21	0	0	19	0	15
374	+4	120	28	10	7	18	67	4	12	125	x	0	0	15	0	16
282	-9	70	25	5	10	12	73	5	12	162	-7	0	0	11	0	17
199	-41	60	15	5	11	7	55	3	12	175	-2	0	0	9	0	18
130	-76	35	25	5	7	9	77	5	29	223	+38	0	0	5	0	19
122	-71	60	15	5	8	9	92	5	23	210	+24	0	0	4	0	20
55	-124	19	21	4	11	9	110	7	23	225	+36	0	0	2	0	21
31	-85	20	13	2	14	4	54	9	24	209	+13	3	0	4	0	22
62	-22	50	16	3	13	7	125	8	24	230	+11	5	0	10	0	23
9	-108	2	6	2	9	7	115	6	23	252	+43	9	0	16	0	24
4	-83	2	10	3	8	5	102	7	24	276	+39	8	0	8	0	25
76	-14	20	16	3	9	7	84	4	9	260	+15	2	0	12	0	26
90	+28	40	11	6	18	6	88	7	21	278	+46	4	1	7	0	27
248	-109	40	3	7	3	18	57	4	10	203	+61	0	0	16	0	28
211	-30	70	17	9	3	14	63	4	26	192	+12	0	0	11	0	29
203	+20	60	14	10	3	19	53	4	9	x	x	0	0	10	0	30
110	+61	30	16	5	7	10	99	5	6	263	+35	0	0	10	0	31
112	-36	40	23	5	6	13	107	5	9	232	+19	0	0	7	0	32
187	-19	50	22	5	3	18	83	4	6	208	+29	0	0	8	0	33
262	+26	40	8	8	5	18	60	3	1	206	+34	0	0	14	0	34
221	-91	70	21	15	3	20	77	4	29	169	-2	0	0	16	0	35
246	+48	70	16	5	6	15	64	4	30	194	+35	0	0	11	0	36
211	+5	55	17	9	4	23	52	3	27	160	-17	0	0	10	0	37
447	+189	60	16	21	3	23	39	2	2	164	+15	0	0	13	0	38
362	+101	110	23	9	3	19	71	4	28	188	+21	0	0	19	0	39
257	-65	50	4	11	5	20	59	3	26	155	+13	0	0	23	0	40





Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VI năm 1996